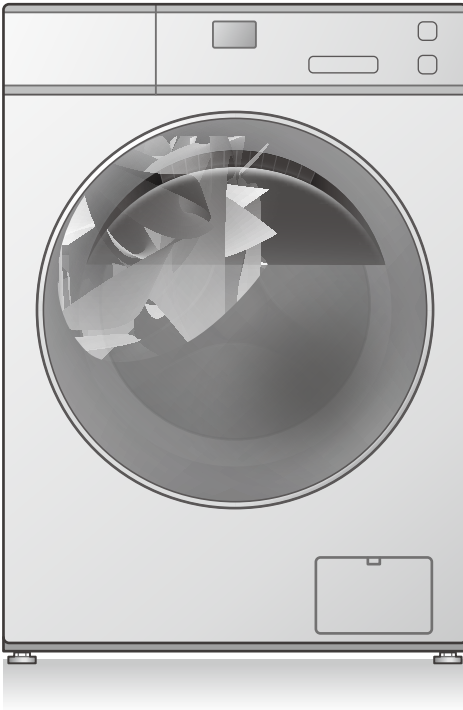


Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt (Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-V10FA1 NA-V90FA1**



Cần đọc những hướng dẫn này.

VI

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.

- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau. AWW9901CFUC0-0C0

Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Kiểm tra máy giặt	6
Trước khi giặt	7
Bảng điều khiển	8
Chất giặt tẩy	10
Giặt	12
Các chương trình	14
Chi tiết chương trình	16
Mẹo giặt đồ	18
Thay đổi cài đặt chương trình	20
Thay đổi cài đặt thiết bị	24
Bảo dưỡng	25
Xử lý sự cố	29
U13 và các cảnh báo khác	35
Chọn đúng chỗ	36
Di chuyển và Lắp đặt	37
Nối đường ống	39
Chạy thử	41
Thông số kỹ thuật	42

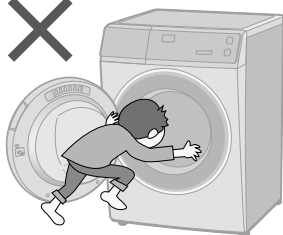


Lưu ý về an toàn

CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa An Toàn. (Tr. 24)



Giữ trong 5 giây.

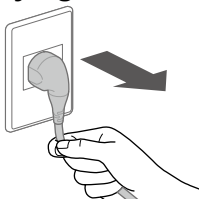


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt.



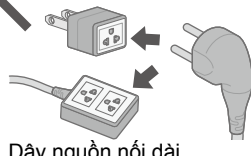
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



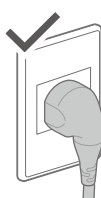
Không sử dụng.



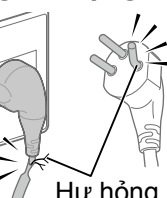
Khớp nối phích cắm



Cắm chặt.

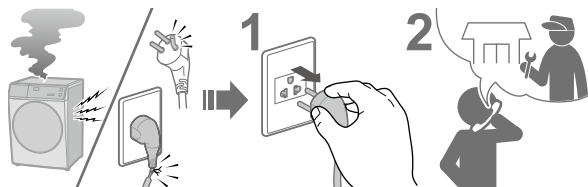


Không sử dụng.

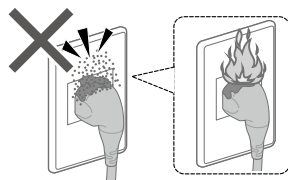


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

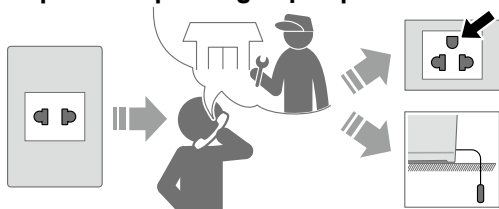
Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



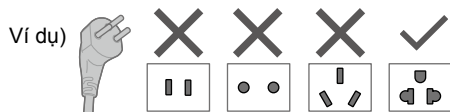
Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.



Vệ sinh phích cắm định kỳ.



Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Đặt các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.



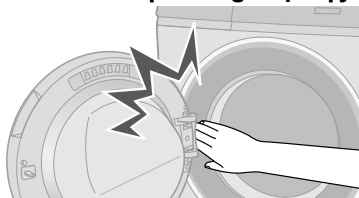
Lưu ý về an toàn (tiếp)



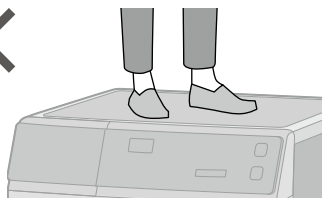
CẦN THẬN

Có thể gây thương tích

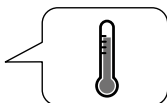
Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đây.



Không leo lên thiết bị.

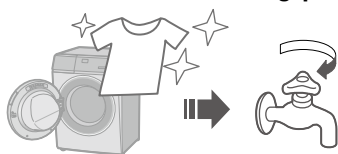


Không chạm khi máy đang nóng.

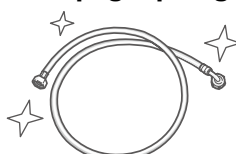


Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



Sử dụng bộ ống nước mới.

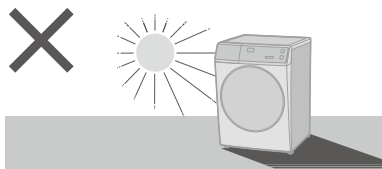


- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

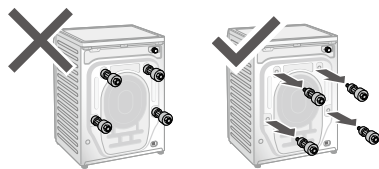
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 42.

Có thể gây hỏng hóc

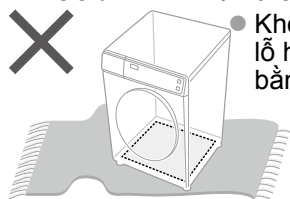
Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.



Tháo các bulông neo bệ máy trước khi vận hành.



Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.

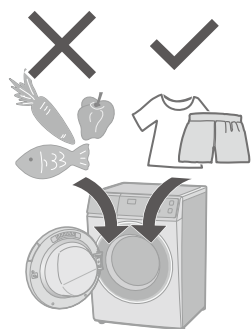


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

Không kết nối với nguồn nước nóng.



Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

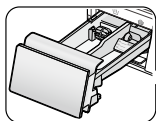
Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.



Kiểm tra máy giặt

Tên các bộ phận

Ngăn đựng bột giặt (Tr. 10)



Bảng điều khiển
(Tr. 8)

Cửa

Lồng giặt

Bản lề

Mép cửa

Chân điều chỉnh
được (Tr. 38)

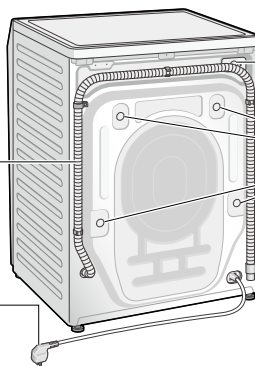
Nắp bộ lọc thoát
nước (Tr. 28)

Ống xả
(Tr. 39, 40)

Đường nước
vào (Tr. 40)

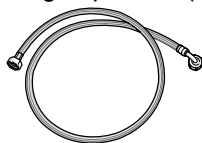
Bulông neo bệ máy
(Tr. 38)

Dây điện và phích cắm*
*Hình dạng phích cắm
thay đổi theo khu vực.



Phụ kiện

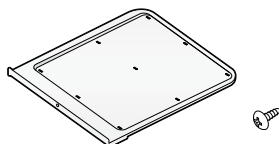
☐ Ống cấp nước (1) (Tr. 39, 40)



☐ Nắp phủ (4) (Tr. 38)



☐ Tấm đáy (1) / Vít (1) (Tr. 37)

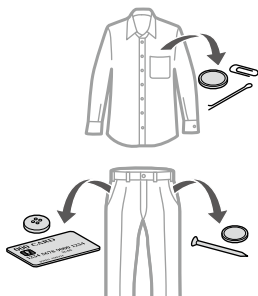


Trước khi giặt

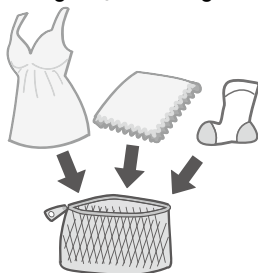
Chuẩn bị giặt ủi

Trước khi cho quần áo vào máy

- Loại bỏ dị vật.



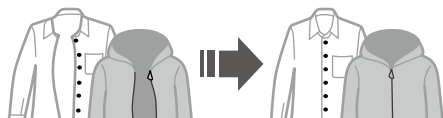
- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.



Nhét quá nhiều



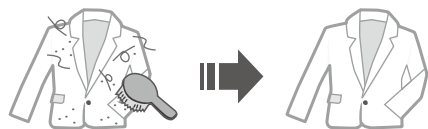
Kiểm tra trước khi giặt



Lộn trái



Quần áo có khả năng bị xoắn



- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.



- Giặt riêng.



Quần áo trắng



Quần áo màu

- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.

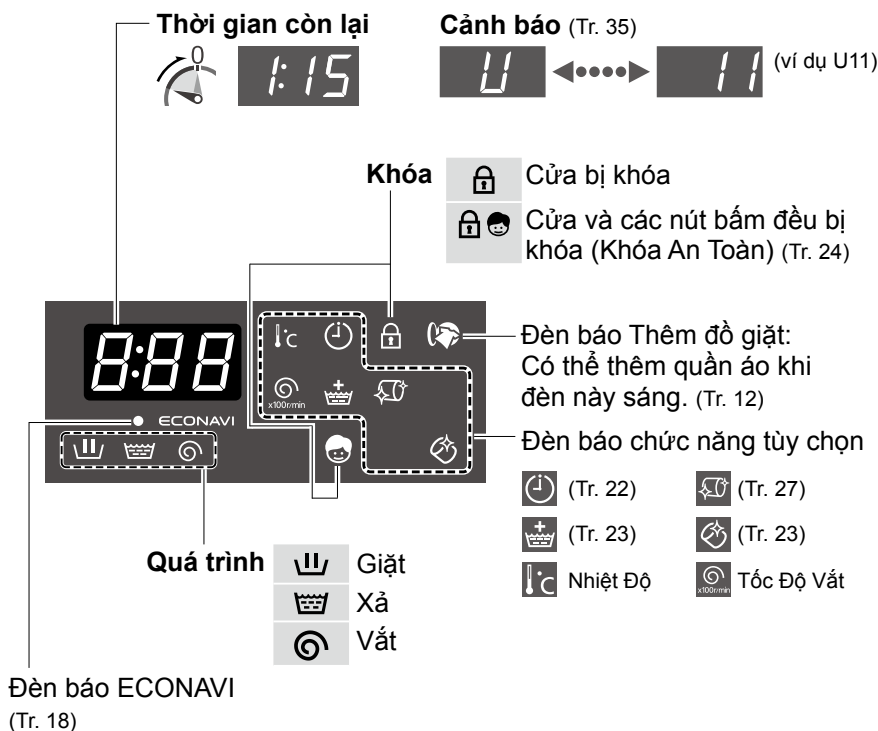


LƯU Ý

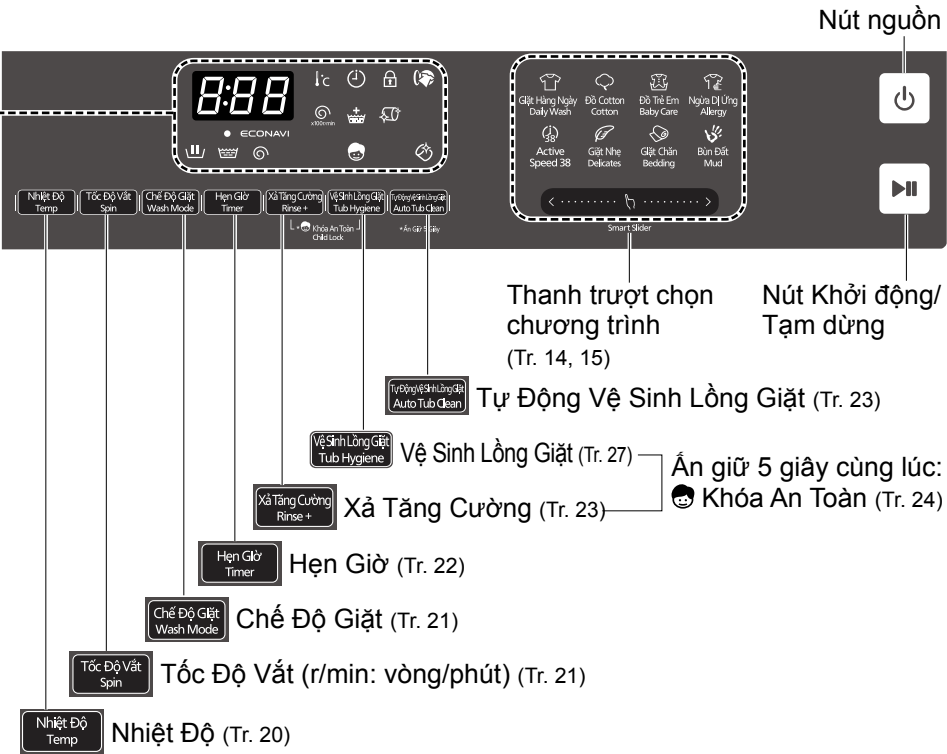
- Khuyến cáo nên sử dụng chương trình "Bùn Đất" (Tr. 15) để loại bỏ các vết bẩn.

Bảng điều khiển

Hiện thị



Nút điều khiển



Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)



LƯU Ý

- Tắt ➡ bật trở lại

Tắt 3 giây Bật
- Không vận hành ➡ tự động tắt nguồn

Bật 10 phút Tự động tắt nguồn
- Trong trường hợp mất điện
➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. (Tự khởi động lại)

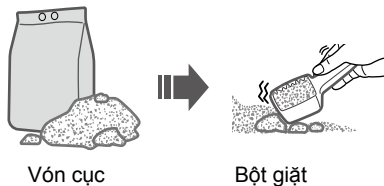
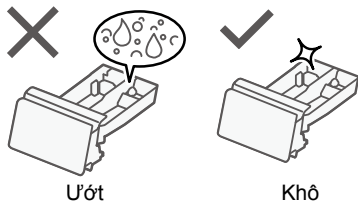
Chất giặt tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bột

- Để ngăn chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn đựng bột giặt:



Chất giặt tẩy

Bột giặt

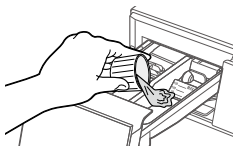
Chất giặt tẩy lỏng



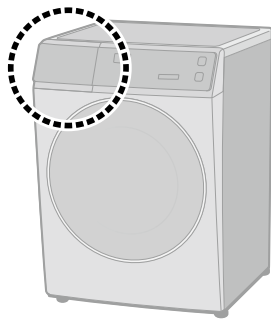
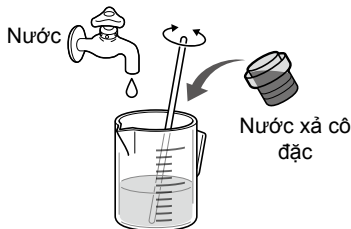
Chất tẩy



Nước xả

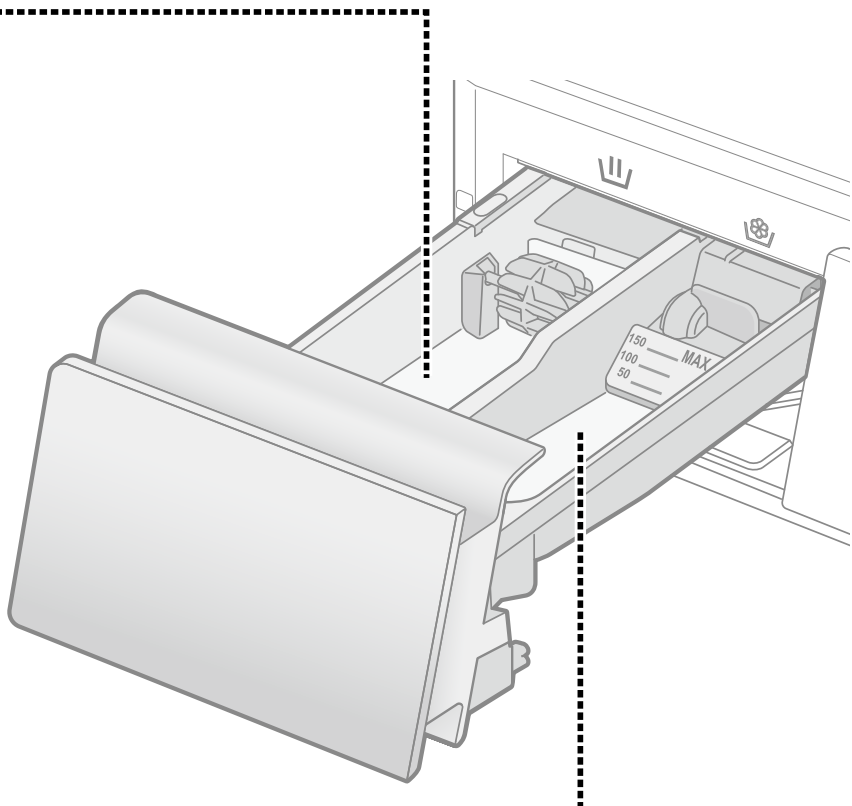


Các loại nước
xả riêng biệt
hoặc đông đặc



LƯU Ý

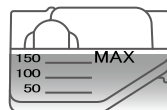
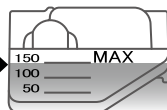




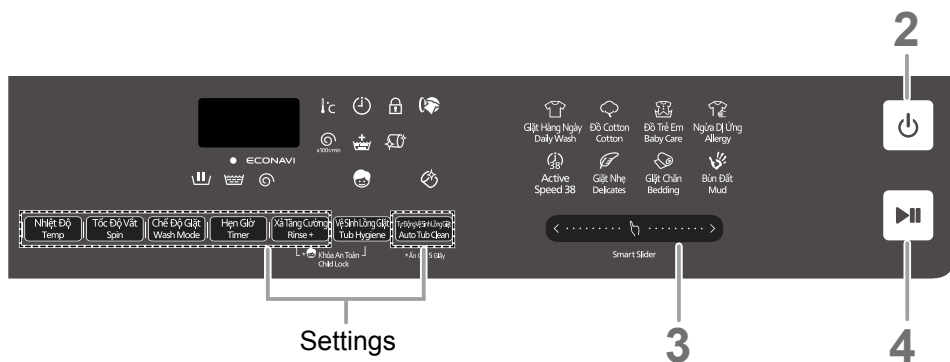
 Nước xả



Tối đa 150 ml



Giặt Phương pháp cơ bản

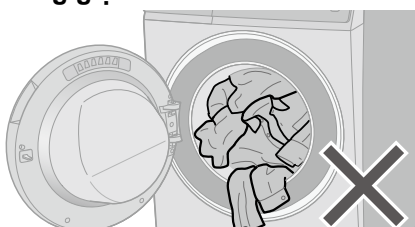


LƯU Ý

■ Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.

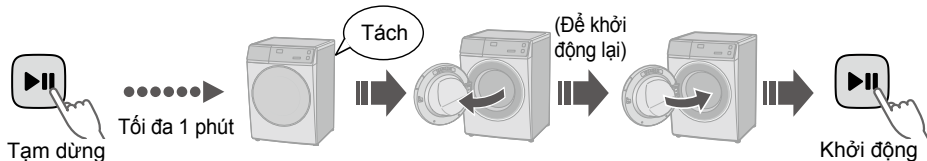


■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



■ Để mở cửa trong khi đang vận hành

(Có thể cho thêm quần áo vào khi đèn sáng.)

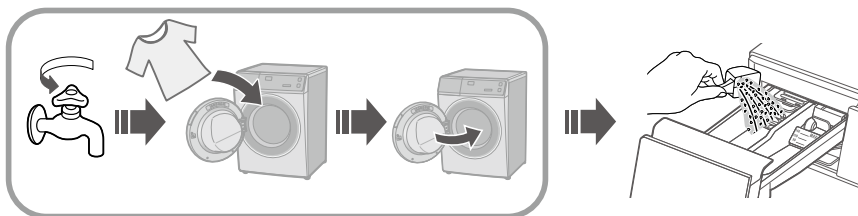


LƯU Ý

● Cửa không mở ➡ (Tr. 30)



1



2



Bật

3



Smart Slider

Chọn chương trình. (Tr. 14)

■ **Thay đổi cài đặt.**

Cài đặt

Nhiệt Độ
Temp

Nhiệt Độ
(Tr. 20)

Tốc Độ Vắt
Spin

Tốc Độ Vắt
(Tr. 21)

Chế Độ Giặt
Wash Mode

Chế Độ Giặt
(Tr. 21)

Hẹn Giờ
Timer

Hẹn Giờ
(Tr. 22)

Xả Tăng Cường
Rinse+

Xả Tăng Cường
(Tr. 23)

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt
Auto Tub Clean

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt
(Tr. 23)

4



Khởi động



Đo lường đồ giặt

(30 giây)

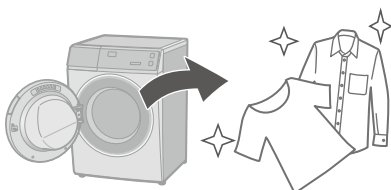


Hiển thị thời gian cần thiết
(được tính toán lại)

(Ví dụ)



5



Các chương trình

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)		Tổng thời gian
		V10FA1	V90FA1	
 Giặt Hàng Ngày	Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”) 	10,0	9,0	1:30
 Đồ Cotton	Quần áo hàng ngày 	10,0	9,0	2:54
 Đồ Trẻ Em	Quần áo dành cho trẻ nhỏ & người có làn da nhạy cảm Xả kỹ 	5,0		2:20
 Active Speed 38	Lượng đồ giặt nhỏ 	5,0		0:38
 Giặt Chăn	Các đồ giặt lớn 	3,0		1:30

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)		Tổng thời gian
		V10FA1	V90FA1	
 Giặt Nhẹ	Giặt vải mỏng nhẹ 	2.0		0:50
 Ngừa Dị Ứng	Dành cho ve bét và phấn hoa 	10,0	9,0	3:15
 Bùn Đất	Vết bẩn bùn đất 	10,0	9,0	3:30
 Vệ Sinh Lồng Giặt	Vệ sinh lồng giặt. 	Không		3:45

- Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút).
 Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.

Chi tiết chương trình

Chương trình \ Cài đặt	Cài đặt tự động		
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	
 Giặt Hàng Ngày	40	1200	
 Đồ Cotton	40	1200	
 Đồ Trẻ Em	40	1400	
 Active Speed 38	40	1200	
 Giặt Chăn	Nước lạnh	700	
 Giặt Nhẹ	30	500	
 Ngừa Dị Ứng	90	1200	
 Bùn Đất	40	1200	
 Vệ Sinh Lồng Giặt	40	1200	

LƯU Ý

- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng tải, mức độ bẩn, chất giặt tẩy được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.

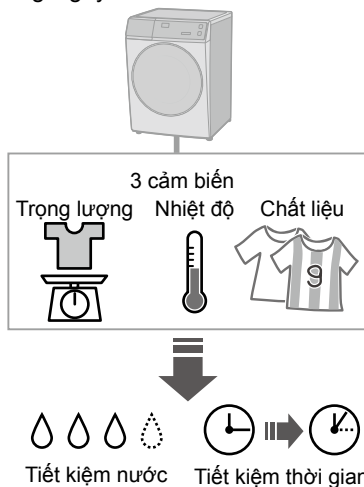
Phạm vi cài đặt		Chức năng tùy chọn			
Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	Chế độ giặt	Hẹn giờ	Xả tăng cường	Tự động vệ sinh lồng giặt
Nước lạnh, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓
Nước lạnh, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓
Nước lạnh, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓
Nước lạnh, 30, 40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	—	✓
Nước lạnh, 30	 , 500, 700	✓	✓	✓	—
Nước lạnh, 30, 40	 , 500	✓	—	✓	—
60, 90	 , 500, 700, 1200	—	✓	✓	✓
40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓
40	1200	—	—	—	—

 : Chỉ xả (Không vắt)

Mẹo giặt đồ

ECONAVI

- Chỉ chương trình “Đồ Cotton” và “Giặt Hàng Ngày”



■ Chỉ báo đèn



Đang dò tìm



Đã bật ECONAVI



Đã tắt ECONAVI

Giặt Nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả Tăng Cường”. (Tr. 23)

LƯU Ý

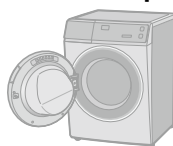


Chất tẩy



Nước giặt có độ tẩy nhẹ

■ Sau khi hoạt động kết thúc



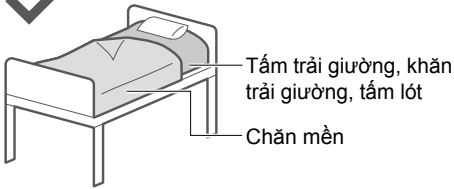
Lấy ra ngay lập tức



Giặt Chăn

■ Các đồ giặt được

-   (Giặt)
-  (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp



■ Các đồ không giặt được



Chăn điện



Len



Lụa

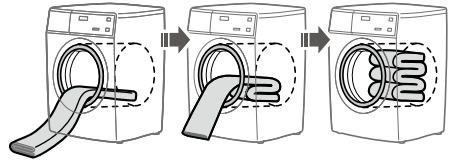
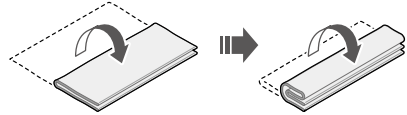


Lông cừu dài

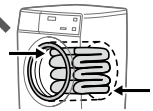
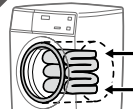


Lông thú nhân tạo

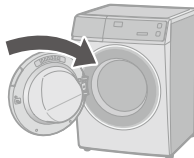
■ Đặt chăn mền vào lồng giặt



LƯU Ý



LƯU Ý



Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 14)



Smart Slider

3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Chế Độ Giặt
Wash Mode

Tốc Độ Vắt
Spin

Nhiệt Độ
Temp

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



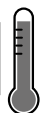
Khởi động

l°c Nhiệt Độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



Thấp

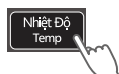


Cao

■ Hướng dẫn cài đặt

Thấp	Cao
● Màu	● Trắng
● Bẩn ít	● Bẩn nhiều
● Chất liệu dễ co rút	● Đồ Cotton

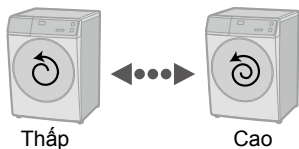
3



(Tr. 17)

r/min **Tốc Độ Vắt**

Thay đổi tốc độ vắt.



■ Hướng dẫn cài đặt

 Thấp	 Cao
● Để giảm nếp nhăn	● Để vắt khô hơn
	

3



(Tr. 17)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



Khởi động

Chế Độ Giặt

Chọn một kết hợp các quá trình giặt, xả và vắt.

(Ví dụ)



3



	*1 Giặt
	*2 Xả
	*2 Vắt
	Giặt và xả
	Giặt và vắt
	Xả và vắt

*1 Nước sẽ được xả hết sau quá trình giặt.

*2 Xả trước nếu có nước trong lồng.

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 14)



Smart Slider

3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Hẹn Giờ



Xả Tăng Cường



Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt



- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

🕒 Hẹn Giờ

Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



1:00
(Ví dụ)

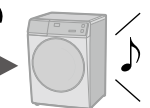
Tự khởi động



9:00
(Ví dụ)



...



3



(Ví dụ)

Nhấn hoặc giữ

■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ



■ Để hủy cài đặt



Tắt

(Tất cả cài đặt bị hủy)

LƯU Ý



Khởi động

Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ



- Không khả dụng: Tr. 17

Xả Tăng Cường

Thêm một lần xả nữa.



3



■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



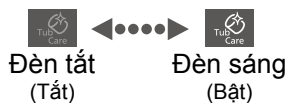
Khởi động

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Thêm chu trình làm sạch lồng giặt.



3

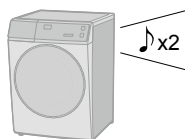
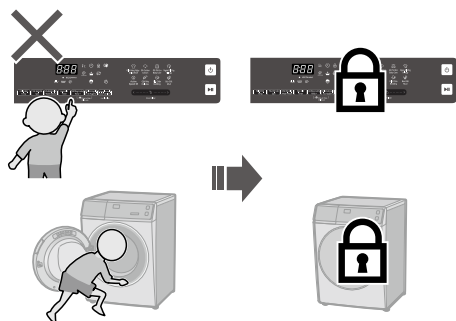


LƯU Ý

- Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.

Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa An Toàn

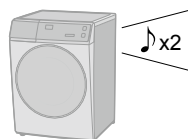


■ Để hủy:

Quy trình tương tự



Hủy bỏ còi báo



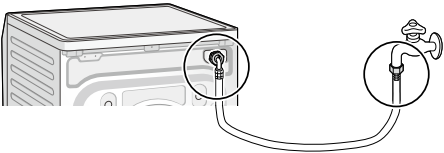
■ Để đặt lại:

Quy trình tương tự

Bảo dưỡng

Tắm lọc ống cấp nước

Nếu nước chảy không đều



1



Không tải

2



Bật

3



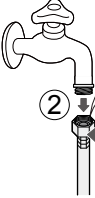
Chọn Giặt Hàng Ngày

4



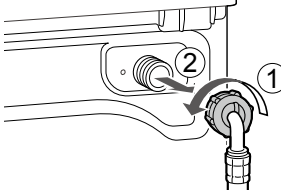
Khởi động 1 phút Tắt

5

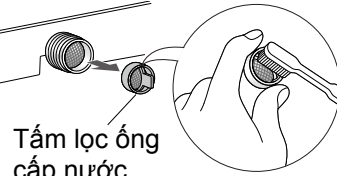


Tháo và vệ sinh lưới lọc

6

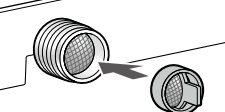


7

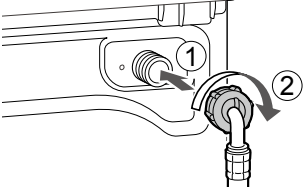


Tắm lọc ống cấp nước

8



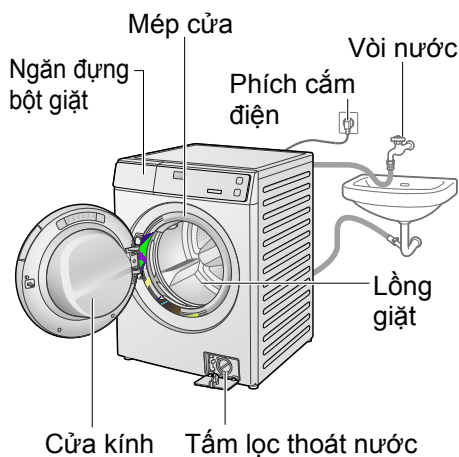
9



10



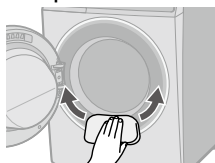
Bảo dưỡng (tiếp)



Thiết bị

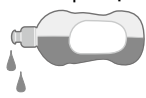


Mép cửa

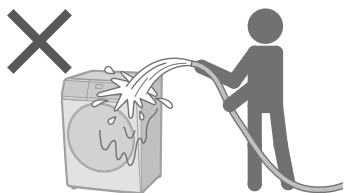


Nếu bẩn nhiều

Chất tẩy rửa nhà bếp nhẹ

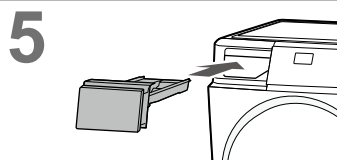
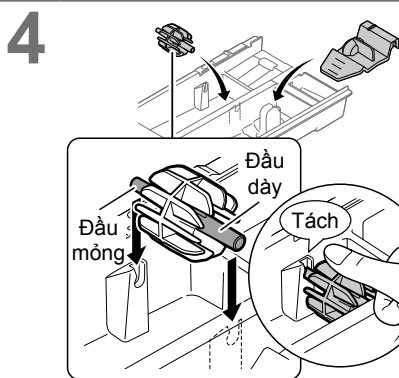
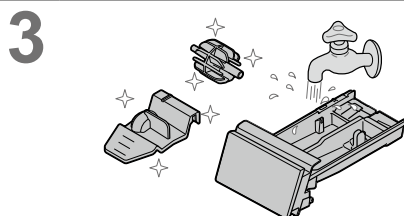
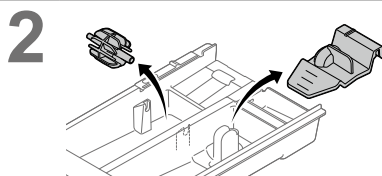
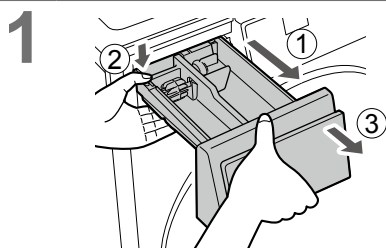


LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn đựng bột giặt



Lồng giặt

Mỗi tháng một lần hoặc nếu đèn  nháy
<Vệ Sinh Lồng Giặt>

1

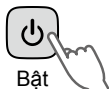


2

Chất tẩy trắng (chất tẩy Clo)



3



Không tải

4



5



Xấp xỉ
3:45



LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ Sinh Lồng Giặt” không chạy, đèn chỉ báo  sẽ tắt khi chương trình khác chạy được 3 lần.

Bảo dưỡng (tiếp)

Tấm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.



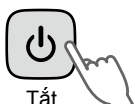
CẢN THẬN



Nước nóng
(Có thể bị bỏng)

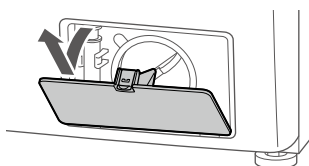


1

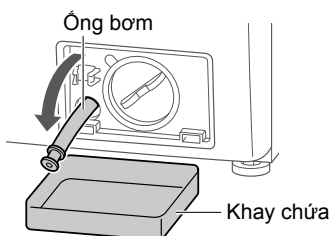


Tắt

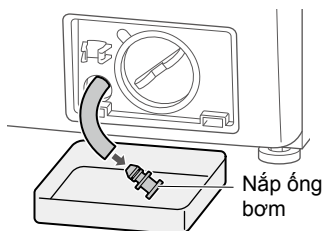
2



3



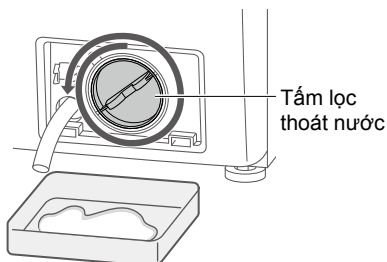
4



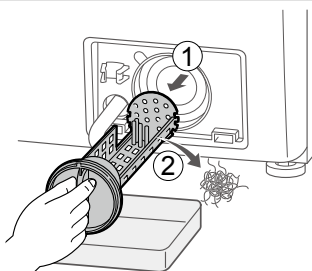
5



6



7



8

Thay thế

1



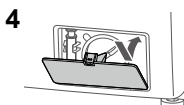
Cho đến khi vào
đúng vị trí



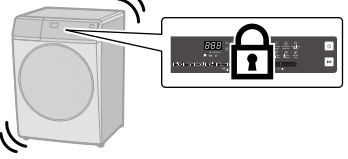
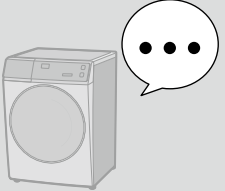
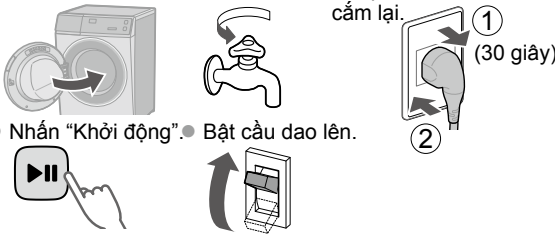
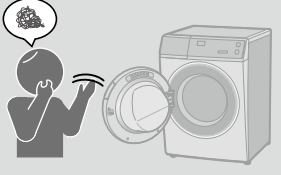
3



4

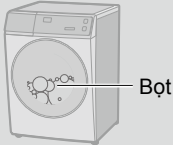
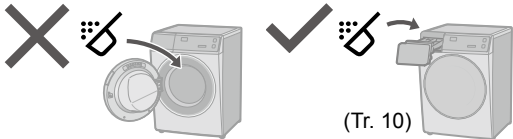
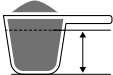


Xử lý sự cố

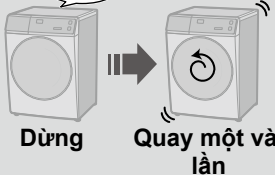
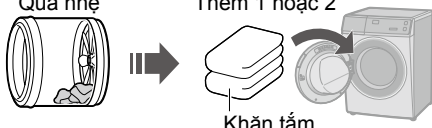
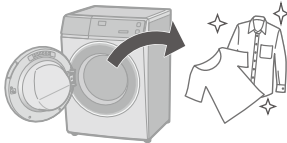
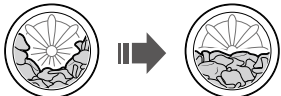
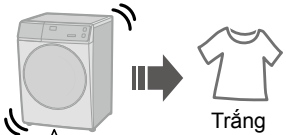
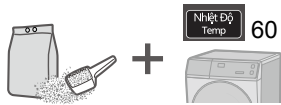
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Nhấn các nút  Không có phản ứng	☐ Nguyên nhân có thể - Trong một hoạt động  ☐ Thử - Khóa An Toàn (Tr. 24)  (Tắt)
	Không vận hành 	☐ Kiểm tra - Mất điện - Hẹn giờ  ☐ Thử - Đóng cửa. - Mở nước. - Rút phích cắm và cắm lại. - Nhấn “Khởi động”. - Bật cầu dao lên.  ① (30 giây) ②
	Mùi cao su 	☐ Nguyên nhân có thể Các bộ phận cao su  Theo thời gian  Không còn mùi  ☐ Thử Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 27) 

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Cửa không mở	☐ Nguyên nhân có thể - Trong một hoạt động Cửa bị khóa. Để mở cửa trong khi vận hành (Tr. 12) ☐ Kiểm tra - Nhiệt độ - Mức nước ☐ Thử - Khóa An Toàn (Tr. 24) - Trong một hoạt động LƯU Ý Cửa bị khóa Mất điện Có điện lại

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Chất giặt tẩy và bột	Sau khi giặt 	☐ Kiểm tra 
		☐ Nguyên nhân có thể • Lượng bột sẽ khác nhau. • Nhiệt độ • Mức nước • Độ mềm của nước 
	Không đủ 	☐ Kiểm tra • Bột giặt  • Quá ít chất giặt tẩy • Chất giặt tẩy ít bột • Bắn nhiều • Tải quá lớn 
	Quá nhiều 	☐ Kiểm tra • Quá nhiều chất giặt tẩy 
Giặt	Trong khi giặt  Xả nước	☐ Nguyên nhân có thể - Bột quá nhiều - Chức năng phát hiện bột - Tự động xả nước 

Xử lý sự cố (tiếp)

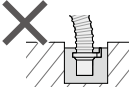
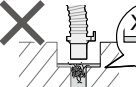
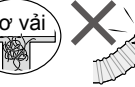
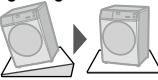
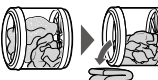
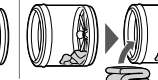
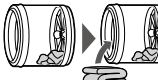
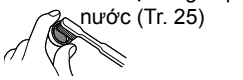
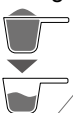
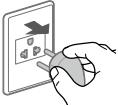
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt  Dừng → Quay một vài lần	☐ Nguyên nhân có thể Không đồng đều → Đồng đều  Tự động chỉnh → Dừng → Tự động chỉnh ☐ Thử Quá nhẹ → Thêm 1 hoặc 2 Khăn tắm 
	Sau khi giặt  Bọt hoặc nước	☐ Thử Lau  
Đồ giặt	Vắt thay đổi sang xả  Vắt → Xả	☐ Nguyên nhân có thể Nếu quần áo không đồng đều, máy sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả. 
	Nếu đồ giặt màu vàng  Vàng	☐ Thử  Trắng  Nhiệt Độ Temp 60 °C

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Trong khi giặt Thời gian hiển thị  Thay đổi	☐ Nguyên nhân có thể - Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động.  Xấp xỉ Đã điều chỉnh - Nếu cài đặt thay đổi - Nếu quần áo không đồng đều  ➡ Thời gian còn lại có thể tăng lên. 
	Trong khi xả nước 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Bơm thoát nước đang hoạt động.
Tiếng ồn	Trong quá trình vắt 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Bộ phận chống trào bọt đang hoạt động tại cổng xả khí.
	Tiếng quạt quay 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.
	Động cơ phát ra tiếng ồn 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Động cơ có thể phát ra tiếng ồn khi hoạt động.

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Tiếng ồn	Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường	□ Kiểm tra • Các vật kim loại • Bulông neo bộ máy (Tr. 38) • Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định • Điều chỉnh 4 chân
Khác	Mất điện Cầu dao	□ Kiểm tra • Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại.

U13 và các cảnh báo khác

Cảnh báo	Điểm cần kiểm tra		
U 11 Không thể xả nước	1 Kiểm tra 	2 	3  Khởi động
     (Tr. 28)			
U 12 Cửa đang mở	1 	2  Khởi động	
U 13 Không thể vắt / sấy	1 	2 Kiểm tra	3   Khởi động
Không đồng đều  Đồng đều  Không ổn định hoặc nghiêng  Ổn định  Quá nhiều  Giảm  Quá ít  Thêm 			
U 14 Không thể cấp nước	1 Kiểm tra	2 	3  Khởi động
Mất nước  Đã tắt  Tắm lọc ống cấp nước (Tr. 25) 			
U 17 Không thể vắt	1 Khởi động lại  Tắt	2 Chạy quá trình Xả và Vắt của chương trình “Active Speed 38”  Bật	Lần giặt sau:  Chất giặt tẩy ít bọt 
H 00	1 	2 	3 

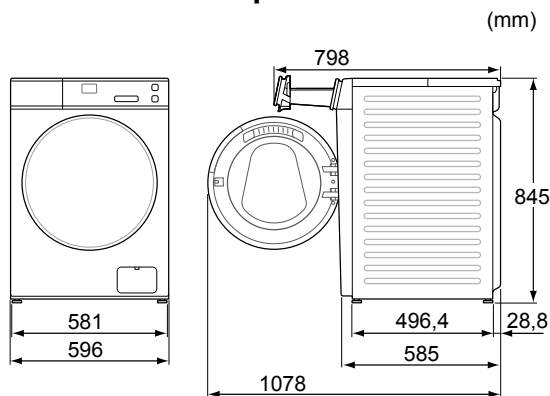
Chọn đúng chỗ



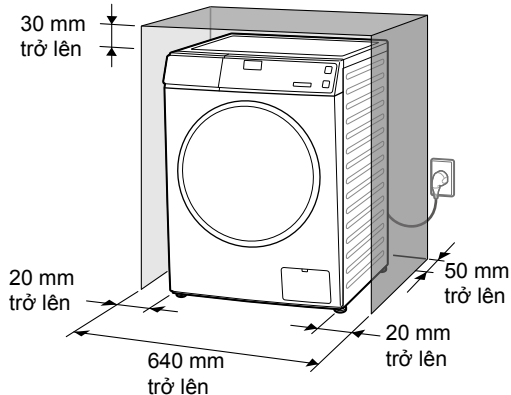
Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm

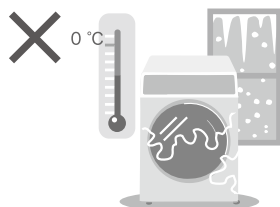
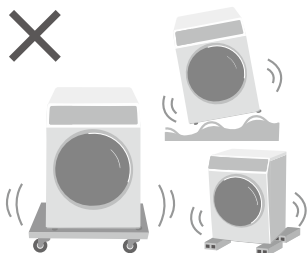


■ Lắp đặt vào trong



- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

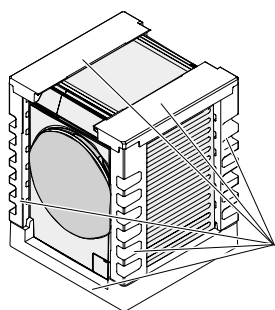
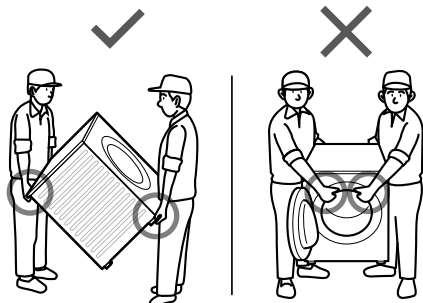
Kiểm tra vị trí.



Di chuyển và Lắp đặt

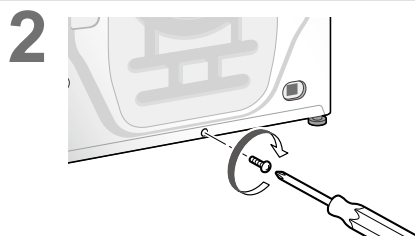
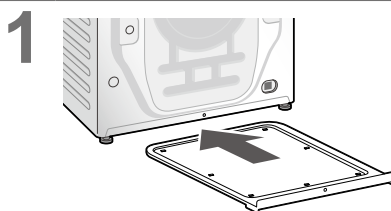
Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình.



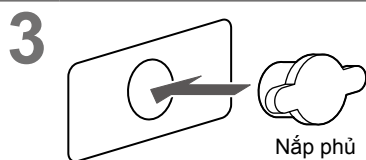
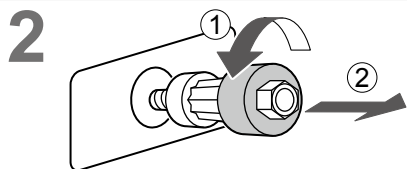
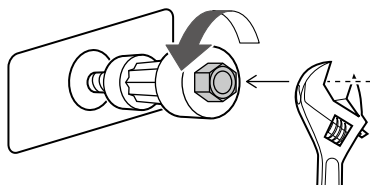
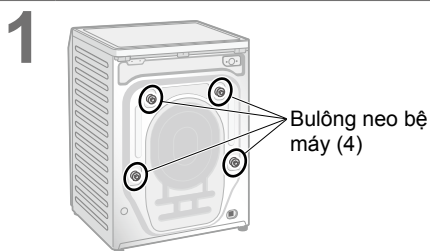
Tháo bỏ tất cả xốp đóng gói trước khi bắt đầu sử dụng thiết bị.

Lắp đặt tấm đáy

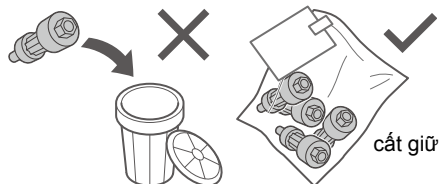


Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

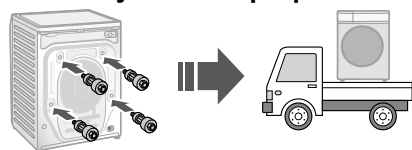
Tháo các bulông neo bệ máy



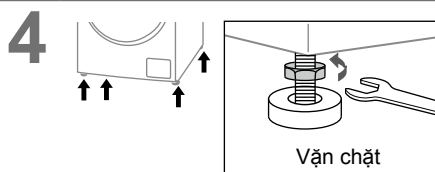
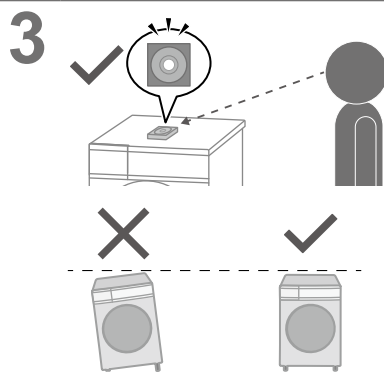
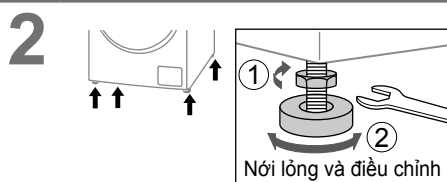
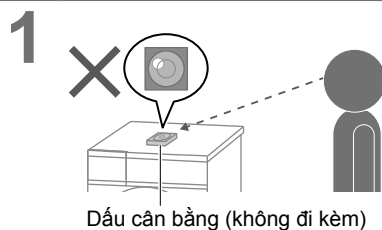
LƯU Ý



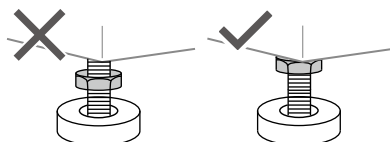
■ Di chuyển thiết bị một lần nữa



Cân bằng thiết bị



LƯU Ý



Lắp đặt

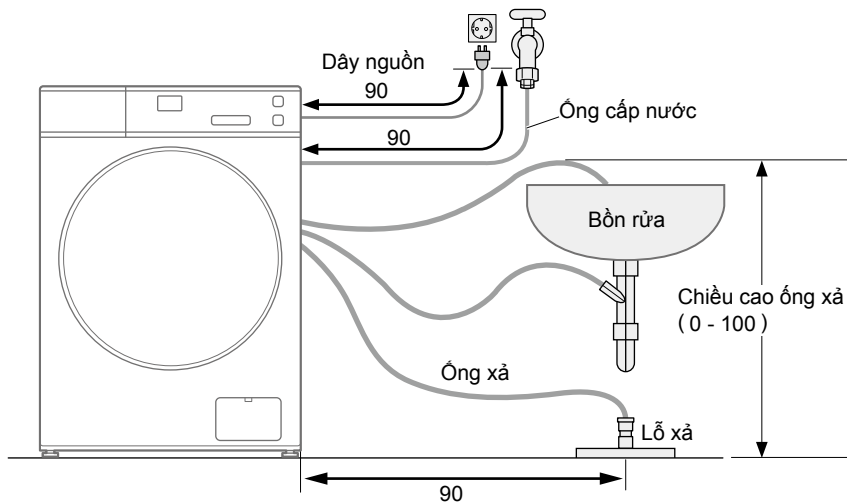
Nối đường ống

Kết nối các ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

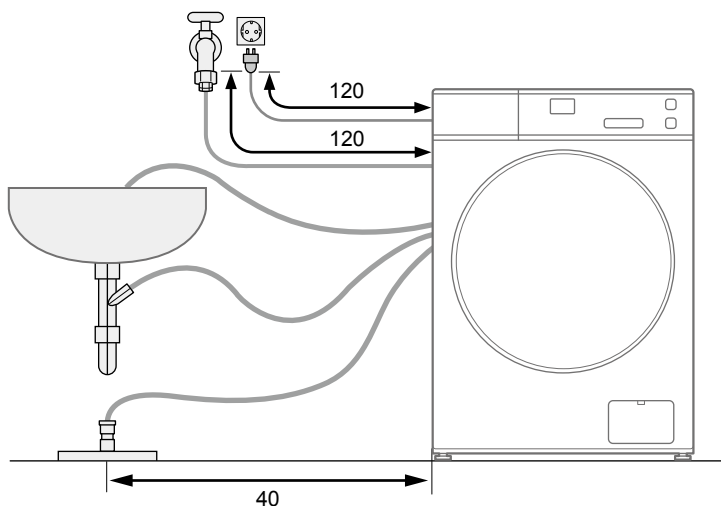
Kết nối bên phải

(cm)



Kết nối bên trái

(cm)



Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước



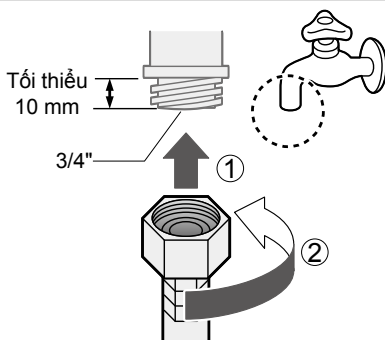
CẦN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

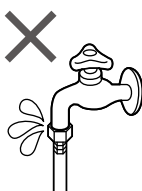
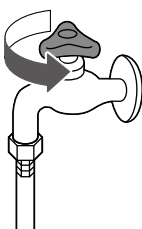
1



2

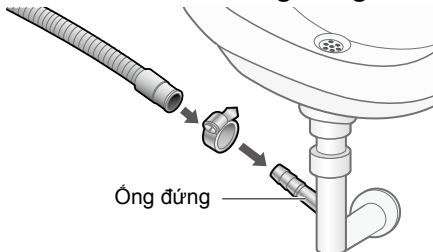


3



Ống xả

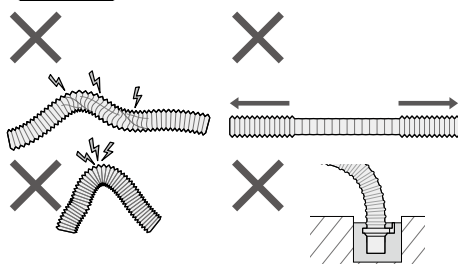
■ Thoát nước vào ống đứng



■ Thoát nước vào ống xả



LƯU Ý

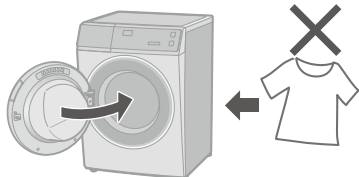


Chạy thử

1



2



3



Bật

4



Smart Slider



Active Speed 38

5



Khởi động

Kiểm tra sau khi chạy thử

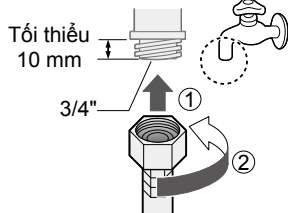
Sự cố

Rò rỉ nước



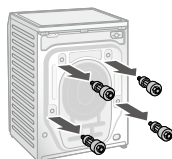
Nguyên nhân và biện pháp

Nối ống cấp nước đúng cách

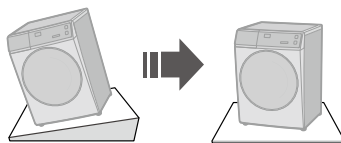


Âm thanh bất thường

- Tháo các bulông neo bệ máy (Tr. 38)



- Lắp đặt ổn định



Cảnh báo



Xem Tr. 35.

Thông số kỹ thuật

	NA-V10FA1	NA-V90FA1
Điện áp định mức (V)	220 - 240	
Tần số định mức (Hz)	50	
Công suất điện năng tối đa (W)	1600 - 1900	
Công suất điện năng gia nhiệt (W)	1445 - 1710	
Tốc độ vắt tối đa (r/min)	1400	
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	596 × 585 × 845	
Trọng lượng sản phẩm (kg)	67	
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) (kg)	10,0	9,0
Áp suất nước máy (MPa)	0,012 - 1	

* Khi áp suất nước máy nhỏ hơn 0,03 MPa có khả năng tồn đọng chất giặt tẩy trong khay đựng chất giặt.



